

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày 04 - 6 - 2019
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Hồng Vân.

Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Duy Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tiến, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2019/TLST - HNGĐ, ngày 16 tháng 01 năm 2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh C, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Hồng T, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. *Người làm chứng:* Chị Trần Thúy P, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 01 năm 2019, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà kết hôn với ông Trần Hồng T trên cơ sở tự nguyện, được hai gia đình tổ chức cưới năm 1989. Năm 2002 ông bà mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Quá trình chung sống hạnh phúc, đến năm 2010 xảy ra nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn trầm trọng nhất xảy ra vào ngày 05 tháng 11 năm 2018. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Trần Hồng T làm nghề tự do ở nhà, bà làm việc tại Trạm y tế xã S, huyện H. Những lúc bà đi làm hay đi họp lớp với các bạn học cũ hay bất cứ lúc nào bà đi đâu, làm gì

chồng bà cũng nảy sinh nghi ngờ, ghen tuông cho rằng bà đi ra ngoài ngoại tình với người đàn ông khác, không chung thủy vợ chồng. Mặc dù bà không đi ngoại tình như ông Trần Hồng T suy nghĩ. Vì lí do này mà nhiều lần ông bà xảy ra cãi chửi nhau, cũng do không còn tin tưởng bà nên chồng bà thường xuyên kiểm soát cuộc sống, công việc, các mối quan hệ gia đình, bạn bè của bà từ tin nhắn điện thoại, zalo, facebook, giữ giấy chứng minh nhân dân của bà, có lần ông Trần Hồng T còn ra Trạm y tế xã S, huyện H lục tìm đồ đạc, chửi mắng bà trước mặt đồng nghiệp ngay tại nơi làm việc. Thời gian sau này, chồng bà thường xuyên uống rượu say, về nhà lại đay nghiến, mắng chửi, đe dọa tinh thần bà. Bà luôn sống trong lo sợ, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, bà đã xin nghỉ việc, không làm tại Trạm y tế xã S, huyện H và bà gọi điện nói cho các con bà biết bà không thể tiếp tục chung sống cùng ông Trần Hồng T, bà dọn nhà đi nơi khác sống ly thân ông Trần Hồng T từ ngày 05 tháng 11 năm 2018. Nay bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn ông Trần Hồng T.

Bị đơn ông Trần Hồng T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Thanh C chung sống với nhau từ năm 1989, tuy nhiên đến năm 2002 mới đi đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H. Trước khi kết hôn hai bên có được tự nguyện tìm hiểu, gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo nghi lễ cổ truyền, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở thôn A, xã S, huyện H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Song trong quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều vấn đề, bà Nguyễn Thị Thanh C nghi ngờ ông ngoại tình với người phụ nữ khác, không chung thủy vợ chồng với bà. Từ đó bà Nguyễn Thị Thanh C không tin tưởng ông về tình cảm, ông cho rằng vợ ông mắc bệnh hoang tưởng (tuy nhiên ông không có chứng cứ chứng minh vợ ông mắc bệnh hoang tưởng). Vì vậy bà Nguyễn Thị Thanh C luôn sống trong trạng thái lo sợ bị chồng giết. Mặc dù có việc hằng ngày để phòng bếp hết gas, ông mua gas dự phòng về nhà để bình gas dưới gầm cầu thang. Theo ông thì việc ông thường để thêm một bình gas trong nhà không có ý đồ đe dọa gì nhưng bà Nguyễn Thị Thanh C lo sợ sự việc ông để bình gas ở đó là để đe dọa tinh thần bà Nguyễn Thị Thanh C. Đến ngày 05 tháng 11 năm 2018, vợ chồng không xảy ra vấn đề gì, không hiểu vì sao vợ ông trốn chồng con bỏ nhà đi, không lần nào liên lạc cho ông và các con. Vợ chồng ông đã ly thân nhau từ 05 tháng 11 năm 2018 đến nay. Trong thời gian ly thân, ông bà không còn liên lạc với nhau. Bà Nguyễn Thị Thanh C yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý ly hôn. Vì lí do đến nay giữa ông bà còn vướng mắc nhau về kinh tế, cụ thể trong quá trình chung sống vợ chồng ông có tiết kiệm được một số tiền hơn 300.000.000 đồng, còn cụ thể chính xác số tiền tiết kiệm của vợ chồng ông là bao nhiêu ông không biết, vì hằng ngày ông để cho vợ quản lý kinh tế trong đó có số tiền tiết kiệm này để gửi tiền cho con của ông bà là cháu Trần Hồng H, cho cháu Trần Hồng H trang trải cuộc sống và học tập. Đến khi bà Nguyễn Thị Thanh C làm đơn xin ly hôn ông phát hiện số tiền tiết kiệm hao hụt đi nhiều so với số tiền thực tế ông bà đã gửi cho cháu Trần Hồng H, nay số tiền còn lại là 86.000.000 đồng, ông bà đang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng N chi nhánh huyện H, sổ tiết kiệm đứng tên bà Nguyễn Thị Thanh C song các giấy tờ liên quan đến số tiền tiết kiệm, sổ tiết kiệm thì hiện nay ông đang giữ. Ông cho rằng bà Nguyễn Thị Thanh C đã tẩu tán một

phần tiền trong số hơn 300.000.000 đồng nêu trên, bà Nguyễn Thị Thanh C mang tiền đi đâu ông không biết. Ông không đồng ý cung cấp cho Tòa án các giấy tờ liên quan đến số tiền kiệm, sổ tiết kiệm nêu trên, vì bà Nguyễn Thị Thanh C và ông không ai yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng trong vụ án này. Lí do thứ hai ông không đồng ý ly hôn bà Nguyễn Thị Thanh C là vì khi bà Nguyễn Thị Thanh C bỏ chồng con đi đã mang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình đi, chưa trả lại cho ông. Vì các lý do này ông không đồng ý ly hôn, ông yêu cầu đoàn tụ vợ chồng.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh C, ông Trần Hồng T có 02 con chung là Trần Hồng H, sinh ngày 14 tháng 5 năm 1990 và Trần Thúy P, sinh ngày 20 tháng 9 năm 1995. Do hai con đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thanh C, ông Trần Hồng T tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh C, ông Trần Hồng T đều khẳng định không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Người làm chứng chị Trần Thúy P trình bày: Chị là con gái của bà Nguyễn Thị Thanh C và ông Trần Hồng T. Chị biết việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa bố mẹ chị, chị nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của mẹ chị. Vì quá trình bố mẹ chị chung sống, từ năm 2010 đến nay đã xảy ra nhiều mâu thuẫn hết sức căng thẳng, trầm trọng vì bố chị lúc nào cũng nghi ngờ, ghen tuông cho rằng mẹ chị ngoại tình nên nhiều lần xảy ra cãi chửi nhau, do không còn tin tưởng mẹ nên bố chị thường xuyên kiểm soát tin nhắn điện thoại, zalo, facebook, giữ giấy chứng minh nhân dân của mẹ chị. Những ngày sau đó, bố chị hay uống rượu say, về nhà lại đay nghiến, mắng chửi, có lần bố chị đe dọa tinh thần, dọa giết mẹ chị làm cho mẹ chị rơi vào tình trạng lo sợ về tinh thần trong nhiều ngày. Ngày 04 tháng 11 năm 2018 mẹ chị gọi điện nói rằng bà không thể chung sống với bố chị được nữa. Đến ngày 05 tháng 11 năm 2018 mẹ chị dọn đi nơi khác sống ly thân bố chị từ đó đến nay. Nếu bố mẹ chị có đoàn tụ cũng không thể chung sống hạnh phúc với nhau, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại Trạm y tế xã S, huyện H là nơi trước đây bà Nguyễn Thị Thanh C làm việc. Bà Hoàng Thị Minh N cán bộ Trạm y tế xã S là người cùng công tác với bà Nguyễn Thị Thanh C cho biết: Quá trình bà Nguyễn Thị Thanh C còn làm việc tại Trạm y tế xã S, có lần ông Trần Hồng T ra Trạm y tế xã S đòi mở tủ làm việc tìm lấy điện thoại của bà Nguyễn Thị Thanh C, hai vợ chồng xảy ra cãi nhau, ông Trần Hồng T đuổi theo bà Nguyễn Thị Thanh C xung quanh Trạm y tế xã S đòi lấy chìa khóa, sau đó Trạm trưởng Trạm y tế, Công an viên thôn đến giải thích, can thiệp ông Trần Hồng T mới không đòi mở tủ, thì ông quay ra liên tục chửi mắng bà Nguyễn Thị Thanh C và Công an viên thôn. Nay bà Nguyễn Thị Thanh C đã xin nghỉ việc tại Trạm y tế xã S.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng, đương sự, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh C là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; về con chung, tài sản chung, nợ chung bà Nguyễn Thị Thanh C và ông Trần Hồng T không yêu cầu

Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét. Về án phí đề nghị xem xét theo quy định pháp luật. Kiến nghị: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thanh C, chị Trần Thúy P vắng mặt, đều đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong hồ sơ. Việc vắng mặt của bà Nguyễn Thị Thanh C, chị Trần Thúy P không gây cản trở cho việc xét xử, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy bà Nguyễn Thị Thanh C và ông Trần Hồng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện năm 1989, năm 2002 đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng ông bà đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không thể hàn gắn được. Nguyên nhân do trong cuộc sống ông bà không còn tin tưởng, thương yêu, tôn trọng nhau, điều này phù hợp với lời khai của bà Nguyễn Thị Thanh C, ông Trần Hồng T, phù hợp với lời khai người làm chứng là con gái của ông bà và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Thực tế từ tháng 11 năm 2018 đến nay ông bà không liên lạc, không quan tâm đến nhau mà đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu đoàn tụ vợ chồng của ông Trần Hồng T vì các lý do như ông đã nêu trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận. Việc bà Nguyễn Thị Thanh C yêu cầu ly hôn là có căn cứ quy định tại các Điều 19, 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh C, ông Trần Hồng T có 02 con chung là Trần Hồng H, sinh ngày 14 tháng 5 năm 1990 và Trần Thúy P, sinh ngày 20 tháng 9 năm 1995. Do cả hai con đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thanh C, ông Trần Hồng T tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh C, ông Trần Hồng T không có nợ chung, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh C phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 19,

51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Thanh C ly hôn với ông Trần Hồng T.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước. Xác nhận bà Nguyễn Thị Thanh C đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0000999, ngày 15 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng;
- UBND xã Sơn Hà, huyện Hữu Lũng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Thị Thanh Huyền

